

Bản án số: 477/2019/DS-ST
Ngày 26 - 7 - 2019
V/v tranh chấp Chậm thực hiện
nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Tuyết Vân

Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngải

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số: 717/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm: 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Cơ khí Ô tô LA;

Địa chỉ trụ sở: C6/3 Tân Thới Hiệp 21, khu phố 3, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Lê Huy Tuấn A, sinh năm: 1990

Địa chỉ: ***, ấp Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện ủy quyền: Bà Vương Yến N, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp An Mỹ, xã An Sơn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 19/7/2018, cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/11/2017, bà N và Công ty TNHH Cơ khí Ô tô LA (viết tắt Công ty LA) có lập *Hợp đồng mua bán xe tải*, loại ô tô tải hiệu Hyundai HD9 Ben tự đổ, theo hợp đồng số 171105/HĐMB/LEANH – 2017, giá mua bán là 700.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bà N đã giao cho Công ty LA số tiền cọc là 200.000.000 đồng. Tiếp đến ngày 06/12/2017, theo yêu cầu của Công ty LA, bà N giao tiếp số tiền 100.000.000 đồng và ngày 06/02/2018 thì Công ty LA bàn giao xe đồng thời bà N trả hết số tiền còn lại.

Ngày 06/02/2018, Công ty LA chưa giao được xe vì chưa hoàn tất thủ tục đăng kiểm nên hai bên đã chấm dứt và ký biên bản thanh lý *Hợp đồng mua bán xe tải* số 171105/HĐMB/LEANH – 2017 lập ngày 23/11/2017 và thỏa thuận toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng sẽ được nhập vào nghĩa vụ thanh toán cho hợp đồng mới số 180201/HĐMB/LEANH – 2018.

Cùng ngày 06/02/2018, bà N và Công ty LA ký *Hợp đồng mua bán xe tải*, số hợp đồng 180201/HĐMB/LEANH – 2018, giá bán 700.000.000 đồng. Công ty LA cam kết giao xe vào ngày 27/02/2018, đồng thời bà N giao thêm cho Công ty LA số tiền 300.000.000 đồng nên tổng số tiền mà Công ty LA đã nhận theo hợp đồng số 180201/HĐMB/LEANH – 2018 là 600.000.000 đồng. Đây là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của bà N và ông T.

Do đến hạn mà chưa có xe giao nên ngày 28/02/2018 Công ty LA có gửi cho bà N công văn *xin gia hạn thời gian giao xe đến ngày 30/3/2018 nếu đến thời hạn này vẫn chưa giao được xe thì bà N có thể thanh lý hợp đồng và nhận lại tiền*.

Ngày 30/3/2018, vì không giao được xe nên Công ty LA và ông Nguyễn Văn T (chồng bà N) đã ký *Biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán xe tải*, số hợp đồng 180201/HĐMB/LEANH – 2018 lập ngày 06/02/2018. Công ty LA có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà N số tiền 600.000.000 đồng theo từng đợt như sau:

+ Đợt 1: 15 ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản thanh lý, Công ty LA thanh toán 300.000.000 đồng.

+ Đợt 2: 15 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đợt 1, Công ty LA thanh toán 300.000.000 đồng.

Đến ngày 27/4/2018, Công ty LA chỉ thanh toán được 150.000.000 đồng và còn lại số tiền 450.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa thanh toán.

Do vậy, bà N đã khởi kiện yêu cầu Công ty LA phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền 450.000.000 đồng và phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa

vụ thanh toán mức lãi suất là 0,85%/tháng đối với số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 06/7/2018 đến khi xét xử.

Tại phiên tòa, bà N xác định yêu cầu khởi kiện:

+ Bà N xác định lại yêu cầu khởi kiện là rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi, mức lãi suất là 0,85%/tháng đối với số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 06/7/2018 đến khi xét xử do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với bị đơn.

+ Bà N yêu cầu Công ty LA trả hết số tiền 450.000.000 đồng cho vợ chồng bà N, ông T ngay sau khi án có hiệu lực. Bà N không đồng ý việc Công ty LA thực hiện thanh toán theo hình thức trả dần số nợ mỗi tháng trả 50.000.000 đồng.

Bà N không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Ô tô LA – Ủy quyền cho bà Vương Yến Nhi trình bày:

Công ty LA và bà N có quá trình giao dịch mua bán xe tải và hai bên đã chấm dứt hợp đồng đúng như bà N đã trình bày tại phiên tòa.

Công ty LA thừa nhận về nghĩa vụ thanh toán số tiền 600.000.000 đồng hạn cuối tháng 4/2018 và đã trả được 150.000.000 đồng cho vợ chồng bà N, ông T. Còn lại 450.000.000 đồng thì Công ty LA chưa thanh toán đúng hạn như đã cam kết vì lý do khó khăn trong kinh doanh.

Tại phiên tòa, Công ty LA xác định ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty LA xin được thanh toán trả dần, mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ 450.000.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán bắt đầu từ ngày 15/8/2019.

Công ty LA cũng không có ý kiến phản đối về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi, mức lãi suất là 0,85%/tháng đối với số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 06/7/2018 đến khi xét xử do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T không có ý kiến bổ sung khác đối với nội dung trình bày của vợ ông là bà Trần Thị N.

Do số tiền 600.000.000 đồng là tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên ông N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N là buộc Công ty LA phải trả hết số tiền 450.000.000 đồng cho vợ chồng bà N, ông T ngay sau khi án có hiệu lực.

Ông T không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp; Chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về việc tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành hoà giải, gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản của Tòa án đúng quy định.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đầy đủ, đúng các nội dung quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử là đúng pháp luật

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Các bên đã chấm dứt hợp đồng và ký Biên bản thanh lý nhằm xác nhận với nhau về nghĩa vụ thanh toán số tiền 450.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Quan hệ tranh chấp về Chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà bị đơn cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N:

[2.1] Qua lời khai tại phiên tòa thì các bên đều thừa nhận về việc đã chấm dứt hợp đồng mua bán xe tải. Biên bản thanh lý hợp đồng lập ngày 30/3/2018 là cơ sở xác lập về trách nhiệm dân sự thực hiện nghĩa vụ trả tiền giữa bên có quyền là bà Trần Thị N với bên có nghĩa vụ là Công ty LA.

Việc Công ty LA có nghĩa vụ phải trả đủ cho bà N số tiền 600.000.000 đồng hạn cuối vào ngày 30/4/2018 nhưng cho đến nay chỉ mới trả được 150.000.000 đồng. Như vậy, Công ty LA đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại **khoản 1 Điều 353 Bộ luật dân sự năm 2015** đã nêu “ *Chậm thực hiện nghĩa vụ là nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần khi thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã hết*”.

[2.2] Việc Công ty LA xin được thực hiện nghĩa vụ bằng cách trả dần 50.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết số tiền 450.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, Hội đồng xét xử căn cứ **Điều 352 Bộ luật dân sự năm 2015** quy định về trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ “*Khi bên có nghĩa vụ thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên có quyền được yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ*”.

Do vậy, từ phân tích tại mục [2.1] và [2.2] thì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty LA phải trả cho vợ chồng bà N, ông T số tiền 450.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực.

[2.3] Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà N về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là không tính thêm lãi, mức lãi suất là 0,85%/tháng đối với số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 06/7/2018 đến khi xét xử đối với trường hợp do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự của Công ty LA. Mặt khác, Công ty LA cũng không có ý kiến phản đối về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện này.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện là quyền của đương sự được quy định tại khoản 4, Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T:

Do quan hệ hôn nhân của ông T và bà N vẫn còn tồn tại và hai bên cùng xác định số tiền 450.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ Điều 27, Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về quyền liên đới yêu cầu Công ty LA phải trả số tiền 450.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12:

Lập luận chặt chẽ, đầy đủ quan hệ pháp luật trong vụ án đồng thời, còn đánh giá toàn diện nội dung vụ án và vận dụng các căn cứ pháp luật phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.000.000 (hai mươi hai triệu) do Công ty LA chịu vì phải thi hành nghĩa vụ trả số tiền 450.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 187, Điều 188, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N;

Buộc Công ty TNHH Cơ khí Ô tô LA trả cho vợ chồng bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn T số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu) ngay sau khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày đến hạn thi hành án và bà N, ông T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH Cơ khí Ô tô LA chưa thi hành xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N là không tính thêm lãi, mức lãi suất là 0,85%/tháng đối với số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 06/7/2018 đến khi xét xử do Công ty TNHH Cơ khí Ô tô LA chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Cơ khí Ô tô LA phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền án phí tạm nộp 11.459.000 đồng (mười một triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn) theo biên lai thu tiền số 0002222 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Kiều